

PHỤ LỤC 01

**DỰ KIẾN KINH PHÍ TĂNG THÊM KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức (1.000đ)	Đơn vị tính	Số lượng người	Tổng kinh phí thực hiện khi trình nghị quyết	Trong đó	
							Kinh phí đã được cấp hàng năm	Kinh phí phát sinh khi trình Nghị quyết
I	TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY (NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)					39,434,900	33,726,300	5,708,600
1	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy					33,654,500	32,766,300	888,200
2	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống ma túy cấp cho Công an tỉnh					5,780,400	960,000	4,820,400
II	TRONG ĐÓ: KINH PHÍ PHÁT SINH TĂNG THÊM KHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH DỰ KIẾN TRÌNH NGHỊ QUYẾT HĐND					14,815,546	9,106,946	5,708,600
1	Chế độ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy					658,800	0	658,800
1.1	Tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy từ nơi bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy đến địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy	Chuyến	500	Theo lần	400	200,000	0	200,000
1.2	Tiền ăn	người/ngày	48 (0,8x1.800)/30	Tối đa 05 ngày	400	96,000	0	96,000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức (1.000đ)	Đơn vị tính	Số lượng người	Tổng kinh phí thực hiện khi trình nghị quyết	Trong đó	
							Kinh phí đã được cấp hàng năm	Kinh phí phát sinh khi trình Nghị quyết
1.3	Tiền điện, nước; tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân hàng ngày (bàn chải, kem đánh răng, xà phòng tắm, xà phòng giặt, dầu gội, khăn mặt, dép nhựa) và băng vệ sinh (đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy là nữ) tính cho một lần chấp hành	người/lần	350	Theo lần	400	140,000	0	140,000
1.4	Chi phí điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo (nếu có)	người/lần	500	Theo lần	400	200,000	0	200,000
1.5	Hỗ trợ chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22,800	0	22,800
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết (Dự kiến số lượng: 02 người)					22,800	0	22,800
	Chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22,800	0	22,800
3	Chế độ hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện					9,313,546	9,106,946	206,600
3.1	Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ (Dự kiến: 100 đối tượng bình quân)					6,795,621	6,611,821	183,800
a	Chi phí nhân công, chi quản lý	Học viên/ năm	46,341	Theo năm	100HV/ năm	4,634,055	4,634,055	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức (1.000đ)	Đơn vị tính	Số lượng người	Tổng kinh phí thực hiện khi trình nghị quyết	Trong đó	
							Kinh phí đã được cấp hàng năm	Kinh phí phát sinh khi trình Nghị quyết
b	Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	Học viên/ năm	3,562	Theo năm	100HV/năm	356,196	356,196	
c	Chi phí trực tiếp cho học viên (quy định tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023)	Học viên/ năm	16,216	Theo năm	100HV/năm	1,621,570	1,621,570	
d	Tiền điện, nước sinh hoạt (100đtgBQ)	Người/tháng	70	12 tháng	100	84,000	0	84,000
đ	Hoạt động văn thể (100 lượt đtg)	Người/lần	70	Theo lần	100	7,000	0	7,000
e	Hỗ trợ chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22,800	0	22,800
f	Chi phí học nghề ngắn hạn	người/khóa học	2.000 (2.000*70%)	Theo lần	50	70,000	0	70,000
3.2	Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ (Dự kiến: 100 đối tượng bình quân)					2,517,925	2,495,125	22,800
a	Chi phí nhân công, chi quản lý	Học viên/ năm	23,170	Theo năm	100HV/năm	2,317,028	2,317,028	
b	Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	Học viên/ năm	1,781	Theo năm	100HV/năm	178,098	178,098	
c	Chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22,800		22,800

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức (1.000đ)	Đơn vị tính	Số lượng người	Tổng kinh phí thực hiện khi trình nghị quyết	Trong đó	
							Kinh phí đã được cấp hàng năm	Kinh phí phát sinh khi trình Nghị quyết
4	Hỗ trợ đối với người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP					2,030,400	0	2,030,400
	Người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao nhiệm vụ trực tiếp tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý; người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy	Người/tháng	720	12 tháng	235	2,030,400	0	2,030,400
5	Hỗ trợ công tác bắt giữ, khởi tố vụ án hình sự về ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và công tác bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương					2,790,000	0	2,790,000
5.1	Hỗ trợ công tác bắt giữ, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng					2,700,000	0	2,700,000
a	Vụ án phạm tội về ma túy rất nghiêm trọng	Vụ án	10,000	Vụ án	200	2,000,000	0	2,000,000
b	Vụ án phạm tội về ma túy đặc biệt nghiêm trọng	Vụ án	20,000	Vụ án	20	400,000	0	400,000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức (1.000đ)	Đơn vị tính	Số lượng người	Tổng kinh phí thực hiện khi trình nghị quyết	Trong đó	
							Kinh phí đã được cấp hàng năm	Kinh phí phát sinh khi trình Nghị quyết
c	<i>Vụ án phạm tội về ma túy đặc biệt nghiêm trọng, tính chất hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia, thu giữ số lượng lớn ma túy (có quyết định khen thưởng, thư khen hoặc văn bản biểu dương của Bộ Công an, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	<i>Vụ án</i>	<i>100,000</i>	<i>Vụ án</i>	<i>3</i>	<i>300,000</i>	<i>0</i>	<i>300,000</i>
5.2	<i>Hỗ trợ cho cơ quan trực tiếp bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy</i>					<i>90,000</i>	<i>0</i>	<i>90,000</i>
a	<i>Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở trong nước</i>	<i>đối tượng</i>	<i>10,000</i>	<i>lần</i>	<i>5</i>	<i>50,000</i>	<i>0</i>	<i>50,000</i>
b	<i>Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở nước ngoài</i>	<i>đối tượng</i>	<i>20,000</i>	<i>lần</i>	<i>2</i>	<i>40,000</i>	<i>0</i>	<i>40,000</i>